

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
SỢI THỂ KỸ  
CENTURY SYNTHETIC FIBER  
CORPORATION**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness**

Số/No: 258 -25/CV-CTTK

TP.HCM/Hochiminh city, ngày/date 16 tháng/month 06 năm/year 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN  
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH  
CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

**INFORMATION DISCLOSURE  
ON THE STATE SECURITIES  
COMMISSION AND HOCHIMINH STOCK  
EXCHANGE'S PORTAL**

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
*The State Securities Commission*  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM  
*Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần Sợi Thể Kỹ  
*Organization name: Century Synthetic Fiber Corporation*
- Mã chứng khoán/Ticker: STK
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô B1-1, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, TP.HCM  
*Headquarter office: Lot B1-1, North West Cu Chi Industrial Zone, Cu Chi District, HCMC.*
- Điện thoại/Tel.: (+84.276) 388 7565 Fax: (+84.276) 388 7566
- Người thực hiện công bố thông tin: Đặng Triệu Hòa - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT  
*Spokesman: Dang Trieu Hoa - Title: BOD Chairperson*
- Loại thông tin công bố/Type of information disclosure:  
 định kỳ/periodic  bất thường/irregular  24h/24 hours  theo yêu cầu/on demand

**Nội dung thông tin công bố/Contents of information disclosure:**

Đính chính Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2024 (Xem công văn đính kèm).  
*Correction of the Audited Consolidated Financial Statements for FY2024 (See the attached document).*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 16 / 06 /2025 tại đường dẫn:  
<https://theky.vn>

*This information was published on the Company's website on 16 / 06 /2025 at the link: <https://theky.vn>*

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

*We hereby declare to be responsible for the accuracy and completeness of the above information.*

**Tài liệu đính kèm/Attachments**

- Tài liệu liên quan đến việc CBTT.  
*Documents related to the information disclosure.*

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/ON BEHALF OF THE COMPANY  
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
LEGAL REPRESENTATIVE  
CHỦ TỊCH HĐQT/BOD CHAIRPERSON Ms. Chi**



**CENTURY SYNTHETIC FIBER CORPORATION**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom – Happiness**

No: 240 -25/CV-CTTK  
Re: Correction of the 2024 Audited  
Consolidated Financial Statements  
To:

Hochiminh city, date 30 month 05 year 2025

- The State Securities Commission
- Hochiminh Stock Exchange
- Esteemed Shareholders of the Company
- Relevant Authorities, Organizations, and Individuals

Based on the audited consolidated financial statements for the fiscal year ended December 31, 2024, of Century Synthetic Fiber Corporation (“STK”), which were audited by Ernst & Young Vietnam Limited Liability Company (hereinafter referred to as the “2024 Audited Consolidated Financial Statements”).

Through this document, the Company would like to correct the contents of the 2024 Audited Consolidated Financial Statements as follows:

Correction details	The Company hereby corrects the content of the <b>Cash Flow Statement (Page 9)</b> in the <b>2024 Audited Consolidated Financial Statements</b> as follows:			
<b>Before correction</b>	VND			
	Code	ITEMS	Current year	Previous year
	09	Increase in receivables	(45,715,679,544)	(95,441,161,606)
	23	Placement of bank term deposits	54,050,637,373	(54,050,637,373)
24	Proceeds from bank term deposit	-	180,000,000,000	
<b>After correction</b>	VND			
	Code	ITEMS	Current year	Previous year
	09	Increase in receivables	(59,386,129,557)	(95,441,161,606)
	23	Placement of bank term deposits	-	(54,050,637,373)
24	Proceeds from bank term deposit	54,050,637,373	180,000,000,000	

All other contents of the 2024 Audited Consolidated Financial Statements as previously disclosed remain unchanged. This official document is an integral part of and is attached to the 2024 Audited Consolidated Financial Statements.

Recipients:

- As stated above
- Ernst & Young Vietnam Limited Liability Company
- Company archives

**LEGAL REPRESENTATIVE**

**BOD CHAIRPERSON** Ms. Chi





Shape the future  
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited  
20th Floor, Bitexco Financial Tower  
2 Hai Trieu Street, District 1  
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252  
Email: eyhcmc@vn.ey.com  
Website (EN): ey.com/en\_vn  
Website (VN): ey.com/vi\_vn

## Ý KIẾN CỦA ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN

Chúng tôi đã xem xét và đồng ý với nội dung tại Công văn số 240-25/CV-CTTK ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ ("Công ty") liên quan đến sai sót trong một số thông tin trình bày tại Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty đã phát hành ngày 7 tháng 3 năm 2025 và thông tin đúng để sửa sai sót này.

THAY MẶT VÀ ĐẠI DIỆN CHO  
CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
ERNST & YOUNG  
VIỆT NAM  
ERNEST YOUNG CHIN KANG

## OPINION OF THE AUDIT FIRM

We have reviewed and agreed with the content in Official Letter No. 240-25/CV-CTTK dated 30 May 2025 from Century Fiber Corporation ("the Company") regarding the errors presented in the consolidated cash flow statement of the consolidated financial statements for the financial year ended 31 December 2024 dated on 7 March 2025, and the correct information to amend these errors.

ON BEHALF OF  
ERNST & YOUNG VIETNAM LIMITED COMPANY

DEPUTY GENERAL DIRECTOR  
CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
ERNST & YOUNG  
VIỆT NAM  
ERNEST YOUNG CHIN KANG

# Century Synthetic Fiber Corporation

Consolidated financial statements

For the year ended 31 December 2024



Shape the future  
with confidence

# Century Synthetic Fiber Corporation

## CONTENTS

	<i>Pages</i>
General information	1
Report of management	2
Independent auditors' report	3 - 4
Consolidated balance sheet	5 - 7
Consolidated income statement	8
Consolidated cash flow statement	9 - 10
Notes to the consolidated financial statements	11 - 35

# Century Synthetic Fiber Corporation

## GENERAL INFORMATION

### THE COMPANY

Century Synthetic Fiber Corporation ("the Company") is currently a shareholding company incorporated under the Law on Enterprise of Vietnam pursuant to the Enterprise Registration Certificates No. 0302018927 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City dated 11 April 2005, as amended.

The Company listed its shares on the Ho Chi Minh Stock Exchange with trading code STK in accordance with Decision No. 410/QĐ-SGDHCM issued by the Ho Chi Minh Stock Exchange on 10 September 2015.

The current principal activity of the Company is to manufacture synthetic yarn and knitting.

The Company's registered head office is located at Lot B1-1 North West Cu Chi Industrial Zone, Cu Chi District, Ho Chi Minh City, Vietnam. In addition, the Company has Trang Bang Branch, located at Street No.8, Trang Bang Industrial Zone, Trang Bang Commune, Tay Ninh Province, and one representative office, located at 102-104-106 Bau Cat, Ward 14, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

### BOARD OF DIRECTORS

Members of the Board of Directors during the year and at the date of this report are:

Ms Dang My Linh	Chairwomen
Mr Dang Trieu Hoa	Vice Chairman
Mr Dang Huong Cuong	Member
Ms Cao Thi Que Anh	Member
Mr Vo Quang Long	Member
Mr Chen Che Jen	Independence member
Mr Nguyen Quoc Huong	Independence member

### BOARD OF SUPERVISION

Members of the Board of Supervision during the year and at the date of this report are:

Mr Nguyen Tu Luc	Head
Ms Ha Kiet Tran	Member
Ms Dinh Ngoc Hoa	Member

### MANAGEMENT

Members of the management during the year and at the date of this report are:

Mr Dang Trieu Hoa	General Director
Ms Nguyen Phuong Chi	Chief Strategic Officer
Mr Phan Nhu Bich	Chief Financial Officer

### LEGAL REPRESENTATIVE

The legal representative of the Company during the year and at the date of this report is Mr Dang Trieu Hoa.

### AUDITOR

The auditor of the Company is Ernst & Young Vietnam Limited.

# Century Synthetic Fiber Corporation

## REPORT OF MANAGEMENT

Management of Century Synthetic Fiber Corporation ("the Company") is pleased to present this report and the consolidated financial statements of the Company and its subsidiary ("the Group") for the year ended 31 December 2024.

### MANAGEMENT'S RESPONSIBILITY IN RESPECT OF THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

Management is responsible for the consolidated financial statements of each financial year which give a true and fair view of the consolidated financial position of the Group, and of the consolidated results of its operations and its consolidated cash flows for the year. In preparing those consolidated financial statements, management is required to:

- select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- make judgements and estimates that are reasonable and prudent;
- state whether applicable accounting standards have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in the consolidated financial statements; and
- prepare the consolidated financial statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Group will continue in business.

Management is responsible for ensuring that proper accounting records are kept which disclose, with reasonable accuracy at any time, the consolidated financial position of the Group and to ensure that the accounting records comply with the applied accounting system. It is also responsible for safeguarding the assets of the Group and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud and other irregularities.

Management confirmed that it has complied with the above requirements in preparing the accompanying consolidated financial statements.

### STATEMENT BY MANAGEMENT

Management does hereby state that, in its opinion, the accompanying consolidated financial statements give a true and fair view of the consolidated financial position of the Group as at 31 December 2024, and of the consolidated results of its operations and its consolidated cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of the consolidated financial statements.

For and on behalf of the management:



Ho Chi Minh City, Vietnam

7 March 2025

Reference: 11659174/67734722

## INDEPENDENT AUDITORS' REPORT

**To: The Shareholders of Century Synthetic Fiber Corporation**

We have audited the accompanying consolidated financial statements of Century Synthetic Fiber Corporation ("the Company") and its subsidiary (collectively referred to as "the Group") as prepared on 7 March 2025 and set out on pages 5 to 35, which comprise the consolidated balance sheet as at 31 December 2024, and the consolidated income statement and the consolidated cash flow statement for the year then ended and the notes thereto.

### *Management's responsibility*

Management is responsible for the preparation and fair presentation of these consolidated financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to the preparation and presentation of the consolidated financial statements, and for such internal control as management determines is necessary to enable the preparation and presentation of the consolidated financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

### *Auditors' responsibility*

Our responsibility is to express an opinion on these consolidated financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the consolidated financial statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the consolidated financial statements. The procedures selected depend on the auditors' judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the consolidated financial statement, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditors consider internal control relevant to the Group's preparation and fair presentation of the consolidated financial statement in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Group's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by management, as well as evaluating the overall presentation of the consolidated financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.



Shape the future  
with confidence

**Opinion**

In our opinion, the consolidated financial statements give a true and fair view, in all material respects, of the consolidated financial position of the Group as at 31 December 2024, and of the consolidated results of its operations and its consolidated cash flows for the year then ended in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprises Accounting System and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of the consolidated financial statements.

**Ernst & Young Vietnam Limited**



  
Ernest Young Chin Kang  
Deputy General Director  
Audit Practicing Registration Certificate  
No. 1891-2023-004-1



Pham Ninh Tung  
Auditor  
Audit Practicing Registration Certificate  
No. 5631-2025-004-1

Ho Chi Minh City, Vietnam

7 March 2025

CONSOLIDATED BALANCE SHEET  
as at 31 December 2024

VND

Code	ASSETS	Notes	Ending balance	Beginning balance
<b>100</b>	<b>A. CURRENT ASSETS</b>		<b>997,061,057,465</b>	<b>1,395,936,217,102</b>
<b>110</b>	<b>I. Cash and cash equivalents</b>	<b>4</b>	<b>105,602,398,852</b>	<b>109,476,256,782</b>
111	1. Cash		5,402,398,852	5,989,452,153
112	2. Cash equivalents		100,200,000,000	103,486,804,629
<b>120</b>	<b>II. Short-term investment</b>		<b>-</b>	<b>54,050,637,373</b>
123	1. Held-to-maturity investment		-	54,050,637,373
<b>130</b>	<b>III. Current accounts receivable</b>		<b>105,312,984,991</b>	<b>450,138,868,654</b>
131	1. Short-term trade receivables	5	92,738,753,955	91,305,667,931
132	2. Short-term advances to suppliers	6	7,104,476,750	354,529,855,008
135	3. Short-term loan receivable	7	3,471,000,000	3,471,000,000
136	4. Other short-term receivables	8	1,998,754,286	832,345,715
<b>140</b>	<b>IV. Inventories</b>	<b>9</b>	<b>616,099,132,887</b>	<b>615,023,248,456</b>
141	1. Inventories		622,696,170,006	621,333,490,652
149	2. Provision for obsolete inventories		(6,597,037,119)	(6,310,242,196)
<b>150</b>	<b>V. Other current assets</b>		<b>170,046,540,735</b>	<b>167,247,205,837</b>
151	1. Short-term prepaid expenses	14	4,129,693,461	2,793,026,285
152	2. Value-added tax deductible	17	165,766,676,433	162,695,833,297
153	3. Tax receivable from the State	17	150,170,841	1,758,346,255

CONSOLIDATED BALANCE SHEET (continued)  
as at 31 December 2024

VND

Code	ASSETS	Notes	Ending balance	Beginning balance
<b>200</b>	<b>B. NON-CURRENT ASSETS</b>		<b>2,814,182,774,472</b>	<b>1,577,922,927,005</b>
<b>220</b>	<b>i. Fixed assets</b>		<b>560,684,345,537</b>	<b>642,368,814,999</b>
221	1. Tangible fixed assets	10	560,684,345,537	642,368,814,999
222	Cost		2,103,161,115,998	2,092,008,447,857
223	Accumulated depreciation		(1,542,476,770,461)	(1,449,639,632,858)
227	2. Intangible fixed asset	11	-	-
228	Cost		14,385,298,205	14,385,298,205
229	Accumulated amortization		(14,385,298,205)	(14,385,298,205)
<b>240</b>	<b>ii. Long-term asset in progress</b>		<b>2,111,112,394,294</b>	<b>783,102,433,377</b>
242	1. Construction in progress	12	2,111,112,394,294	783,102,433,377
<b>250</b>	<b>iii. Long-term investment</b>		<b>13,800,000,000</b>	<b>13,800,000,000</b>
253	1. Investment in other entity	13	13,800,000,000	13,800,000,000
<b>260</b>	<b>iv. Other long-term assets</b>		<b>128,586,034,641</b>	<b>138,651,678,629</b>
261	1. Long-term prepaid expenses	14	125,692,890,034	135,708,407,488
262	2. Deferred tax assets	28.3	2,893,144,607	2,943,271,141
<b>270</b>	<b>TOTAL ASSETS</b>		<b>3,811,243,831,937</b>	<b>2,973,859,144,107</b>

CONSOLIDATED BALANCE SHEET (continued)  
as at 31 December 2024

VND

Code	RESOURCES	Notes	Ending balance	Beginning balance
<b>300</b>	<b>C. LIABILITIES</b>		<b>2,103,888,828,129</b>	<b>1,344,969,752,937</b>
<b>310</b>	<b>I. Current liabilities</b>		<b>1,311,165,536,034</b>	<b>935,575,186,771</b>
311	1. Short-term trade payables	15	377,654,321,523	237,754,934,541
312	2. Short-term advances from customers	16	22,222,333,339	39,224,518,554
313	3. Statutory obligations	17	6,894,246,528	2,970,767,020
314	4. Payable to employees		20,388,912,097	25,610,480,880
315	5. Short-term accrued expenses	18	10,426,136,962	7,954,740,536
319	6. Other short-term payables	19	7,623,105,278	5,203,790,319
320	7. Short-term loans	20	857,624,790,695	609,537,812,760
322	8. Bonus and welfare fund	3.15	8,331,689,612	7,318,142,161
<b>330</b>	<b>II. Non-current liabilities</b>		<b>792,723,292,095</b>	<b>409,394,566,166</b>
338	1. Long-term loans	20	792,463,828,758	409,136,361,334
342	2. Long-term provision	3.13	259,463,337	258,204,832
<b>400</b>	<b>D. OWNERS' EQUITY</b>		<b>1,707,355,003,808</b>	<b>1,628,889,391,170</b>
<b>410</b>	<b>I. Capital</b>	<b>21.1</b>	<b>1,707,355,003,808</b>	<b>1,628,889,391,170</b>
411	1. Share capital		966,369,240,000	966,369,240,000
411a	- Shares with voting rights		966,369,240,000	966,369,240,000
412	2. Share premium		64,477,297,852	40,824,578,872
413	3. Treasury share		-	(42,410,550,000)
418	4. Investment and development fund		1,219,011,000	1,219,011,000
421	5. Undistributed earnings		675,289,454,956	662,887,111,298
421a	- Undistributed earnings at the end of prior year		662,887,111,298	575,087,778,611
421b	- Profit of current year		12,402,343,658	87,799,332,687
<b>440</b>	<b>TOTAL LIABILITIES AND OWNERS' EQUITY</b>		<b>3,811,243,831,937</b>	<b>2,973,859,144,107</b>

  
Preparer  
Nguyen Thi Hong Tham

  
Chief Accountant  
Phan Nhu Bich



Ho Chi Minh City, Vietnam

7 March 2025

CONSOLIDATED INCOME STATEMENT  
for the year ended 31 December 2024

VND

Code	ITEMS	Notes	Current year	Previous year
01	1. Revenue from sale of goods	22.1	1,210,456,380,134	1,425,624,612,200
02	2. Deductions	22.1	(203,810,405)	(561,587,822)
10	3. Net revenue from sale of goods	22.1	1,210,252,569,729	1,425,063,024,378
11	4. Cost of goods sold	27	(1,047,025,681,914)	(1,232,981,228,387)
20	5. Gross profit from sale of goods		163,226,887,815	192,081,795,991
21	6. Finance income	22.2	12,875,707,062	31,061,416,006
22	7. Finance expenses	23	(85,768,489,169)	(54,057,483,005)
23	<i>In which: Interest expense</i>		<i>(17,127,583,213)</i>	<i>(17,335,099,901)</i>
25	8. Selling expenses	24, 27	(12,473,186,828)	(19,663,775,726)
26	9. General and administrative expenses	25, 27	(52,322,172,851)	(60,439,695,454)
30	10. Operating profit		25,538,746,029	88,982,257,812
31	11. Other income		266,173,503	2,074,019,048
32	12. Other expenses	26	(6,903,874,485)	(54,346,623)
40	13. Other (loss) profit		(6,637,700,982)	2,019,672,425
50	14. Accounting profit before tax		18,901,045,047	91,001,930,237
51	15. Current corporate income tax expense	28.1	(6,448,574,855)	(2,721,665,639)
52	16. Deferred tax expense	28.3	(50,126,534)	(480,931,911)
60	17. Net profit after tax		12,402,343,658	87,799,332,687
61	18. Net profit after tax attributable to shareholders of the parent		12,402,343,658	87,799,332,687
70	19. Basic earnings per share	30	130	933
71	20. Diluted earnings per share	30	130	933

  
Preparer  
Nguyen Thi Hong Tham

  
Chief Accountant  
Phan Nhu Bich



General Director  
Đặng Thiệu Hoà

Ho Chi Minh City, Vietnam

7 March 2025

CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT  
for the year ended 31 December 2024

VND

Code	ITEMS	Notes	Current year	Previous year
	<b>I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES</b>			
01	<b>Accounting profit before tax</b>		<b>18,901,045,047</b>	<b>91,001,930,237</b>
	<i>Adjustments for:</i>			
02	Depreciation and amortization	10, 11	92,837,137,603	91,883,225,860
03	Provision (reversal provision)		286,794,923	(235,568,532)
04	Foreign exchange losses arising from revaluation of monetary accounts denominated in foreign currency		48,816,257,803	805,777,484
05	Profits from investing activities	22.2	(358,462,148)	(10,689,149,403)
06	Interest expense	23	17,127,583,213	17,335,099,901
08	<b>Operating profit before changes in working capital</b>		<b>177,610,356,441</b>	<b>190,101,315,547</b>
09	Increase in receivables		(59,386,129,557)	(95,441,161,606)
10	Increase in inventories		(1,362,679,354)	(148,651,155,668)
11	Increase in payables		178,694,932,888	57,158,656,087
12	Decrease in prepaid expenses		8,678,850,278	914,547,932
14	Interest paid		(16,881,918,686)	(17,710,432,108)
15	Corporate income tax paid		-	(59,110,914)
20	<b>Net cash flows from (used in) operating activities</b>		<b>287,353,412,010</b>	<b>(13,687,340,730)</b>
	<b>II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES</b>			
21	Purchase and construction of fixed assets		(935,121,066,461)	(949,806,432,497)
23	Placement of bank term deposits		-	(54,050,637,373)
24	Proceeds from bank term deposit		54,050,637,373	180,000,000,000
27	Interest received		237,634,370	10,948,211,565
30	<b>Net cash flows used in investing activities</b>		<b>(880,832,794,718)</b>	<b>(812,908,858,305)</b>

CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT (continued)  
for the year ended 31 December 2024

VND

Code	ITEMS	Notes	Current year	Previous year
	<b>III. CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES</b>			
33	Drawdown of borrowings	20	2,120,882,205,187	1,788,770,227,336
34	Repayment of borrowings	20	(1,530,306,747,650)	(1,087,984,771,145)
<b>40</b>	<b>Net cash flows from financing activities</b>		<b>590,575,457,537</b>	<b>700,785,456,191</b>
<b>50</b>	<b>Net decrease in cash and cash equivalents for the year</b>		<b>(2,903,925,171)</b>	<b>(125,810,742,844)</b>
<b>60</b>	<b>Cash and cash equivalents at the beginning of the year</b>		<b>109,476,256,782</b>	<b>235,284,187,347</b>
61	Impact of exchange rate fluctuation		(969,932,759)	2,812,279
<b>70</b>	<b>Cash and cash equivalents at the end of the year</b>	<b>4</b>	<b>105,602,398,852</b>	<b>109,476,256,782</b>

Preparer  
Nguyen Thi Hong Tham

Chief Accountant  
Phan Nhu Bich



General Director  
Dang Trieu Hoa

Ho Chi Minh City, Vietnam

7 March 2025

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

**1. CORPORATE INFORMATION**

Century Synthetic Fiber Corporation ("the Company") is currently a shareholding company incorporated under the Law on Enterprise of Vietnam pursuant to the Enterprise Registration Certificates No. 0302018927 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City dated 11 April 2005, as amended.

The Company listed its shares on the Ho Chi Minh Stock Exchange with trading code STK in accordance with Decision No. 410/QD-SGDHCM issued by the Ho Chi Minh Stock Exchange on 10 September 2015.

The current principal activity of the Company is to manufacture synthetic yarn and knitting.

The Company's normal course of business cycle is 12 months.

The Company's registered head office is located at Lot B1-1 North West Cu Chi Industrial Zone, Cu Chi District, Ho Chi Minh City, Vietnam. In addition, the Company has Trang Bang Branch, located at Street No.8, Trang Bang Industrial Zone, Trang Bang Commune, Tay Ninh Province, and one representative office, located at 102-104-106 Bau Cat, Ward 14, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

The number of employees of the Company and its subsidiary ("the Group") as at 31 December 2024 was 998 (31 December 2023: 891).

***Corporate structure***

As at 31 December 2024, the Company has a subsidiary as follows:

Unitex is a limited company established in Vietnam pursuant to Investment Certificate No. 452033000336 issued by the Management Board of Tay Ninh Economic Zone on 29 June 2015 and Enterprise Registration Certificate ("ERC") No. 3901206611 issued by the Department of Planning and Investment of Tay Ninh Province on 29 June 2015, and as subsequently amended.

The principal activity of Unitex is to manufacture fibers and fabrics. The registered head office of Unitex is located at A17.1, C1 Street, Thanh Thanh Cong Industrial Zone, An Hoa Commune, Trang Bang Commune, Tay Ninh Province, Vietnam. Currently, Unitex is in pre-operation progress.

As at 31 December 2024, the Company holds 100% ownership and voting rights of Unitex.

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

## 2. BASIS OF PREPARATION

### 2.1 *Accounting standards and system*

The consolidated financial statements of the Company and its subsidiary ("the Group"), expressed in Vietnam dong ("VND"), are prepared in accordance with Vietnamese Enterprise Accounting System and other Vietnamese Accounting Standards issued by the Ministry of Finance as per:

- Decision No. 149/2001/QĐ-BTC dated 31 December 2001 on the Issuance and Promulgation of Four Vietnamese Accounting Standards (Series 1);
- Decision No. 165/2002/QĐ-BTC dated 31 December 2002 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series 2);
- Decision No. 234/2003/QĐ-BTC dated 30 December 2003 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series 3);
- Decision No. 12/2005/QĐ-BTC dated 15 February 2005 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series 4); and
- Decision No. 100/2005/QĐ-BTC dated 28 December 2005 on the Issuance and Promulgation of Four Vietnamese Accounting Standards (Series 5).

Accordingly, the accompanying consolidated financial statements, including their utilization are not designed for those who are not informed about Vietnam's accounting principles, procedures and practices and furthermore are not intended to present the consolidated financial position and the results of its consolidated operations and consolidated cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries other than Vietnam.

### 2.2 *Applied accounting documentation system*

The Group's applied accounting documentation system is the General Journal system.

### 2.3 *Fiscal year*

The Group's fiscal year applicable for the preparation of its consolidated financial statements starts on 1 January and ends on 31 December.

### 2.4 *Accounting currency*

The consolidated financial statements are prepared in VND which is also the Company's accounting currency.

### 2.5 *Basis of consolidation*

The consolidated financial statements comprise the financial statements of the Company and its subsidiary for the year ended 31 December 2024.

Subsidiary is fully consolidated from the date of acquisition, being the date on which the Group obtains control, and continued to be consolidated until the date that such control ceases.

The financial statements of subsidiary are prepared for the same reporting year as the Company, using consistent accounting policies.

All intra-company balances, income and expenses and unrealized gains or losses resulting from intra-company transactions are eliminated in full.

Impact of change in the ownership interest of a subsidiary, without a loss of control, is recorded in undistributed earnings.

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

### 3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

#### 3.1 *Cash and cash equivalents*

Cash and cash equivalents comprise cash on hand, cash in banks and short-term, highly liquid investments with an original maturity of less than three months that are readily convertible into known amounts of cash and that are subject to an insignificant risk of changes in value.

#### 3.2 *Inventories*

Inventories are measured at their historical costs. The cost of inventories comprise costs of purchase, costs of conversion (including raw materials, direct labor cost, other directly related cost, manufacturing general overheads allocated based on the normal operating capacity) incurred in bringing the inventories to their present location and condition. In case the net realizable value is lower than the original price, it must be calculated according to the net realizable value.

Net realizable value represents the estimated selling price in the ordinary course of business less the estimated costs to complete and the estimated costs necessary to make the sale.

The perpetual method is used to record inventories, which are valued as follows:

- Raw materials - cost of purchase on a weighted average basis.
- Finished goods - cost of finished good on a weighted average basis.

##### *Provision for obsolete inventories*

An inventory provision is created for the estimated loss arising due to the impairment of value (through diminution, damage, obsolescence, etc.) of raw materials, finished goods owned by the Group, based on appropriate evidence of impairment available at the balance sheet date.

Increases or decreases to the provision balance are recorded into the cost of goods sold account in the consolidated income statement. When inventories are expired, obsolescence, damage or become useless, the difference between the provision previously made and the historical cost of inventories are included in the consolidated income statement.

#### 3.3 *Receivables*

Receivables are presented in the consolidated financial statements at the carrying amounts due from customers and other debtors, after the provision for doubtful debts.

The provision for doubtful debts represents the estimated loss due to non-collection of receivables that were outstanding at the balance sheet date. Increases or decreases to the provision balance are recorded as general and administration expense in the consolidated income statement. Increases or decreases to the provision balance are recorded as general and administrative expense in the income statement. When bad debts are determined as unrecoverable and accountant writes off those bad debts, the differences between the provision for doubtful receivables previously made and historical cost of receivables are included in the consolidated income statement.

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

### 3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

#### 3.4 *Tangible fixed assets*

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation.

The cost of a tangible fixed asset comprises its purchase price and any directly attributable costs of bringing the tangible fixed asset to working condition for its intended use.

Expenditures for additions, improvements and renewals are added to the carrying amount of the assets and expenditures for maintenance and repairs are charged to the consolidated income statement as incurred.

When tangible fixed assets are sold or retired, gain or loss resulting from their disposal (the difference between the net disposal proceeds and the carrying amount) is included in the consolidated income statement.

#### 3.5 *Intangible fixed assets*

Intangible fixed assets are stated at cost less accumulated amortization.

The cost of an intangible fixed asset comprises its purchase price and any directly attributable costs of preparing the intangible asset for its intended use.

Expenditures for additions, improvements are added to the carrying amount of the assets and other expenditures are charged to the consolidated income statement as incurred.

When intangible fixed assets are sold or retired, gain or loss resulting from their disposal (the difference between the net disposal proceeds and the carrying amount) is included in the consolidated income statement.

#### 3.6 *Depreciation and amortization*

Depreciation of tangible fixed assets and amortization of intangible fixed asset are calculated on a straight-line basis over the estimated useful life of each asset as follows:

Buildings, structures	4 - 25 years
Machinery and equipment	2 - 15 years
Motor vehicles	4 - 10 years
Office equipment	3 - 5 years
Computer software	4 - 5 years

#### 3.7 *Borrowing costs*

Borrowing costs consist of interest and other costs that the Group incurs in connection with the borrowing of funds.

Borrowing costs are recorded as expense during the year in which they are incurred, except to the extent that they are capitalized as explained in the following paragraph.

Borrowing costs that are directly attributable to the acquisition, construction or production of an asset that necessarily take a substantial period of time to get ready for its intended use or sale are capitalized as part of the cost of the respective asset.

#### 3.8 *Prepaid expenses*

Prepaid expenses are reported either as short-term or long-term prepaid expenses in the consolidated balance sheet and amortized over the year for which the amounts are paid or the year in which economic benefits are generated in relation to these expenses.

The following types of expenses are recorded as long-term prepaid expenses and are amortized to the consolidated income statement:

- ▶ Prepaid rental; and
- ▶ Tools and consumables with large value issued into production and can be used for more than one year.

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

### 3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

#### 3.8 *Prepaid expenses* (continued)

##### *Prepaid land rental*

The prepaid land rental represents the unamortized balance of advance payment made in accordance with the lease contract signed with Cidico Corporation on 3 July 2000 for a period of 50 years and Tay Ninh Industrial Park Infrastructure Development Joint Stock Company on 21 July 2009 for a period of 45 years, and on 31 October 2017 to 14 July 2053 and Thanh Thanh Cong Industrial Zone Joint Stock Company on 30 June 2015 for 43 years.

Such prepaid rental is recognized as a long-term prepaid expense for allocation to the consolidated income statement over the remaining lease year according to Circular 45/2013/TT-BTC issued by the Ministry of Finance on 25 April 2013.

#### 3.9 *Construction in process*

Construction in progress represents costs that are directly attributable to the acquisition, construction to produce an asset in the course of construction at the balance sheet date.

#### 3.10 *Business combinations and goodwill*

Business combinations are accounted for using the purchase method. The cost of a business combination is measured as the fair value of assets given, equity instruments issued and liabilities incurred or assumed at the date of exchange plus any costs directly attributable to the business combination. Identifiable assets and liabilities and contingent liabilities assumed in a business combination are measured initially at fair values at the date of business combination.

#### 3.11 *Investments*

##### *Investment in another entity*

Investment in another entity is stated at acquisition cost.

##### *Provision for diminution in value of an investment*

Provision for the investment is made when there are reliable evidences of the diminution in value of the investment at the balance sheet date.

Increases or decreases to the provision balance are recorded as finance expense in the consolidated income statement.

#### 3.12 *Payables and accruals*

Payables and accruals are recognized for amounts to be paid in the future for goods and services received, whether or not billed to the Group.

#### 3.13 *Accrual for severance pay*

The severance pay to employee is accrued at the end of each reporting period for all employees who have been in service for more than 12 months up to the consolidated balance sheet date at the rate of one-half of the average monthly salary for each year of service up to 31 December 2008 in accordance with the Labor Code and related implementing guidance. The average monthly salary used in this calculation will be revised at the end of each reporting year following the average monthly salary of the 6-month period up to the reporting date. Increase or decrease to the accrued amount other than actual payment to employees will be taken to the consolidated income statement.

This accrued severance pay is used to settle the termination allowance to be paid to employee upon termination of their labor contract following Article 48 of the Labor Code.

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

### 3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

#### 3.14 *Foreign currency transactions*

The Company applies the guidance of Circular 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016 amending and supplementing some articles of Circular 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 on foreign currency transactions.

Transactions in currencies other than the Group's accounting currency are recorded at the exchange rate that approximates the average of buying and selling transfer exchange rates announced by the commercial bank where the Group most frequently conducts its transactions ("the average transfer exchange rate"). This approximate exchange rate does not exceed +/- 1% of the average transfer exchange rate. The average transfer exchange rate is determined daily based on the average of daily buying and selling transfer exchange rates of the commercial bank.

At the end of the year, balances of monetary items denominated in foreign currencies are translated at the transfer exchange rate announced by the commercial bank where the Group most frequently conducts its transactions. This transfer exchange rate is the buying transfer exchange rate of the commercial bank.

All foreign exchange differences incurred are taken to the consolidated income statement.

#### 3.15 *Appropriation of net profit*

Net profit after tax is available for appropriation to shareholders after approval in the shareholders' meeting, and after making appropriation to reserve funds in accordance with the Company's Charter and Vietnam's regulatory requirements.

The Group maintains the following reserve funds which are appropriated from the Group's net profit as proposed by the Board of Directors and subject to approval by shareholders at the annual general meeting.

##### *Investment and development fund*

This fund is set aside for use in the Group's expansion of its operation or of in-depth investment.

##### *Bonus and welfare fund*

This fund is set aside for the purpose of pecuniary rewarding and encouraging, common benefits and improvement of the employees' benefits and presented as a liability on the consolidated balance sheet.

#### 3.16 *Revenue recognition*

Revenue is recognized to the extent that it is probable that the economic benefits will flow to the Group and the revenue can be reliably measured. Revenue is measured at the fair value of the consideration received or receivable, excluding trade discount, rebate and sales return. The following specific recognition criteria must also be met before revenue is recognized:

##### *Sale of goods*

Revenue is recognized when the significant risks and rewards of ownership of the goods have passed to the buyer, usually upon the delivery of the goods.

##### *Interest*

Revenue is recognized as the interest accrues unless collectability is in doubt.

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

### 3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

#### 3.17 Taxation

##### *Current income tax*

Current income tax assets and liabilities for the current and prior years are measured at the amount expected to be recovered from or paid to the taxation authorities. The tax rates and tax laws used to compute the amount are those that are enacted as at the balance sheet date.

Current income tax is charged or credited to the consolidated income statement, except when it relates to items recognized directly to equity, in which case the current income tax is also dealt with in equity.

Current income tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right for the Group to offset current income tax assets against current income tax liabilities and when the Group intend to settle its current income tax assets and liabilities on a net basis.

##### *Deferred tax*

Deferred tax is provided using the liability method on temporary differences at the consolidated balance sheet date between the tax base of assets and liabilities and their carrying amount for financial reporting purposes.

Deferred tax liabilities are recognized for all taxable temporary differences, except:

- ▶ where the deferred tax liability arises from the initial recognition of an asset or liability in a transaction which at the time of the related transaction affects neither the accounting profit nor taxable profit or loss; and
- ▶ in respect of taxable temporarily differences associated with investments in subsidiaries and associates, and interests in joint ventures where timing of the reversal of the temporary difference can be controlled and it is probable that the temporary difference will not reverse in the foreseeable future.

Deferred tax assets are recognized for all deductible temporary differences, carried forward unused tax credit and unused tax losses, to the extent that it is probable that taxable profit will be available against which deductible temporary differences, carried forward unused tax credit and unused tax losses can be utilized, except:

- ▶ where the deferred tax asset in respect of deductible temporary difference which arises from the initial recognition of an asset or liability which at the time of the related transaction, affects neither the accounting profit nor taxable profit or loss; and
- ▶ in respect of deductible temporarily differences associated with investments in subsidiaries, associates, and interests in joint ventures, deferred tax assets are recognized only to the extent that it is probable that the temporary differences will reverse in the foreseeable future and taxable profit will be available against which the temporary differences can be utilized.

The carrying amount of deferred tax assets is reviewed at each balance sheet date and reduced to the extent that it is no longer probable that sufficient taxable profit will be available to allow all or part of the deferred tax asset to be utilized. Previously unrecognized deferred tax assets are re-assessed at each balance sheet date and are recognized to the extent that it has become probable that future taxable profit will allow the deferred tax assets to be recovered.

Deferred tax assets and liabilities are measured at the tax rates that are expected to apply in the period when the asset is realized or the liability is settled based on tax rates and tax laws that have been enacted at the balance sheet date.

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

### 3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

#### 3.17 *Taxation* (continued)

##### *Deferred tax* (continued)

Deferred tax is charged or credited to the consolidated income statement, except when it relates to items recognized directly to equity, in which case the deferred tax is also dealt with in the equity account.

Deferred tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right for the Group to off-set current tax assets against current tax liabilities and when they relate to income taxes levied by the same taxation authority on:

- ▶ either the same taxable entity; or
- ▶ when the Group intends either settle current tax liabilities and assets on a net basis or to realize the assets and settle the liabilities simultaneously, in each future period in which significant amounts of deferred tax liabilities or assets are expected to be settled or recovered.

#### 3.18 *Earnings per share*

Basic earnings per share amounts are calculated by dividing net profit (loss) after tax for the year attributable to ordinary shareholders of the Company (after adjusting for the bonus and welfare fund) by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the year.

Diluted earnings per share amounts are calculated by dividing the net profit after tax attributable to ordinary equity holders of the Company (after adjusting the interest on the convertible preference shares) by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the year plus the weighted average number of ordinary shares that would be issued on conversion of all the dilutive potential ordinary shares into ordinary shares.

#### 3.19 *Segment information*

The Group's principal activities are to manufacture synthetic yarn and knitting. In addition, these activities are mainly taking place within Vietnam. Therefore, the Group's risks and returns are not impacted by the Group's products that the Group is manufacturing or the locations where the Group is trading. As a result, the Group's management is of the view that there is only one segment for business and geography and therefore presentation of segmental information is not required.

#### 3.20 *Related parties*

Parties are considered to be related parties of the Group if one party has the ability to control the other party or exercise significant influence over the other party in making financial and operating decisions, or when the Group and other party are under common control or under common significant influence. Related parties can be enterprise or individual, including close members of their families.

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

#### 4. CASH AND CASH EQUIVALENTS

	VND	
	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
Cash on hand	9,693,533	4,587,230
Cash in banks	5,392,705,319	5,984,864,923
Time deposits at banks (*)	<u>100,200,000,000</u>	<u>103,486,804,629</u>
<b>TOTAL</b>	<b><u>105,602,398,852</u></b>	<b><u>109,476,256,782</u></b>

(\*) These represent short-term deposits at commercial banks with original maturities of less than three (3) months and earn market rate interest.

#### 5. SHORT-TERM TRADE RECEIVABLES

	VND	
	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
Coats Phong Phu Co., Ltd.	30,598,767,067	30,329,992,959
Unifi Asia Pacific (Hong Kong)	14,389,550,465	1,765,368,864
Van Thanh Trading Service Co., Ltd.	11,850,307,007	
Chori Osaka Ltd Ptd	10,479,688,403	13,683,713,805
XKTC-Unifi Asia Pacific (Hong Kong)	2,185,095,310	15,353,899,789
Nam Phuong Textile and Dyeing Co., Ltd.	83,665,034	17,000,354,250
Others	<u>23,151,680,669</u>	<u>13,172,338,264</u>
<b>TOTAL</b>	<b><u>92,738,753,955</u></b>	<b><u>91,305,667,931</u></b>

#### 6. SHORT-TERM ADVANCES TO SUPPLIERS

	VND	
	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
Tang Nghi Luc One Member Co., Ltd	4,509,321,854	-
Vietnam Giza Engineering and Construction JSC	-	298,016,528,971
Multicom Machinery Taiwan Ltd	-	50,762,970,184
Others	<u>2,595,154,896</u>	<u>5,750,355,853</u>
<b>TOTAL</b>	<b><u>7,104,476,750</u></b>	<b><u>354,529,855,008</u></b>

#### 7. SHORT-TERM LOAN RECEIVABLE

	VND	
	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
Dintsun Vietnam Company Limited	<u>3,471,000,000</u>	<u>3,471,000,000</u>

The balance represents interest-free loan to Dintsun Vietnam Company Limited ("Dintsun") under Capital Contribution Agreement No. DTVN – 2019001 dated 12 December 2019 and the latest Appendix dated 28 June 2024 to raise capital for the Soc Trang Industrial Zone Project.

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

#### 8. OTHER SHORT-TERM RECEIVABLES

	VND	
	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
Deposits interest	147,917,504	504,397,615
Others	<u>1,850,836,782</u>	<u>327,948,100</u>
<b>TOTAL</b>	<b><u>1,998,754,286</u></b>	<b><u>832,345,715</u></b>

#### 9. INVENTORIES

	VND			
	<u><i>Ending balance</i></u>		<u><i>Beginning balance</i></u>	
	<i>Cost</i>	<i>Provision</i>	<i>Cost</i>	<i>Provision</i>
Finished goods	412,787,130,094	(2,032,632,169)	447,284,438,381	(2,458,780,034)
Raw materials	186,405,176,481	(4,564,404,950)	149,533,927,024	(3,851,462,162)
Goods in transit	<u>23,503,863,431</u>	<u>-</u>	<u>24,515,125,247</u>	<u>-</u>
<b>TOTAL</b>	<b><u>622,696,170,006</u></b>	<b><u>(6,597,037,119)</u></b>	<b><u>621,333,490,652</u></b>	<b><u>(6,310,242,196)</u></b>

Detail of movements of provision for obsolete inventories:

	VND	
	<i>Current year</i>	<i>Previous year</i>
Beginning balance	6,310,242,196	6,545,810,728
Add: Provision made during the year	4,574,326,845	174,972,119
Less: Reversal of provision during the year	<u>(4,287,531,922)</u>	<u>(410,540,651)</u>
Ending balance	<b><u>6,597,037,119</u></b>	<b><u>6,310,242,196</u></b>

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

10. TANGIBLE FIXED ASSETS

	Buildings and structures	Machinery and equipment	Motor vehicles	Office equipment	VND Total
<b>Cost:</b>					
Beginning balance	304,608,626,458	1,593,749,105,162	188,858,990,157	4,791,726,080	2,092,008,447,857
Transfer from CIP	-	9,024,991,977	2,127,676,164	-	11,152,668,141
Ending balance	304,608,626,458	1,602,774,097,139	190,986,666,321	4,791,726,080	2,103,161,115,998
<i>In which:</i>					
Fully depreciated	88,291,213,410	594,184,780,150	101,587,466,880	4,791,726,079	788,855,186,519
<b>Accumulated depreciation:</b>					
Beginning balance	169,194,257,479	1,106,204,118,331	169,449,530,968	4,791,726,080	1,449,639,632,858
Depreciation for the year	9,046,843,993	73,099,262,266	10,691,031,244	-	92,837,137,603
Ending balance	178,241,101,465	1,179,303,380,697	180,140,562,219	4,791,726,080	1,542,476,770,461
<b>Net carrying amount:</b>					
Beginning balance	135,414,368,979	487,544,986,831	19,409,459,189	-	642,368,814,999
Ending balance	126,367,524,993	423,470,716,442	10,846,104,102	-	560,684,345,537

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

#### 11. INTANGIBLE FIXED ASSET

	VND
	<i>Computer software</i>
<b>Cost:</b>	
Beginning and ending balances	<u>14,385,298,205</u>
<i>In which:</i>	
Fully amortized	14,385,298,205
<b>Accumulated amortization:</b>	
Beginning and ending balances	<u>14,385,298,205</u>
<b>Net carrying amount:</b>	
Beginning and ending balances	<u>-</u>

#### 12. CONSTRUCTION IN PROGRESS

	VND	
	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
Unitex factory project (*)	2,096,119,941,412	757,817,607,354
Machinery and equipment under installation	14,930,784,238	25,223,157,379
Others	61,668,644	61,668,644
<b>TOTAL</b>	<b><u>2,111,112,394,294</u></b>	<b><u>783,102,433,377</u></b>

(\*) As at 31 December 2024, Unitex factory project owned by Unitex Corporation is being used as mortgage for bank loans (Note 20).

#### 13. INVESTMENT IN OTHER ENTITY

	<u>Ending balance</u>		<u>Beginning balance</u>	
	<i>% of interest</i>	<i>Cost</i>	<i>% of interest</i>	<i>Cost</i>
	(%)	VND	(%)	VND
Dintsun Vietnam Company Limited	5	<u>13,800,000,000</u>	5	<u>13,800,000,000</u>

Dintsun Vietnam Company Limited ("Dintsun") is a limited company established pursuant to Enterprise Registration Certificate No. 2200764052 issued by the Department of Planning and Investment of Soc Trang Province on 29 May 2019. Its principal activity is to invest in business infrastructure. The registered head office of Dintsun is located at Xay Da B Hamlet, Ho Duc Kien Commune, Chau Thanh District, Soc Trang Province, Vietnam.

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

## 14. PREPAID EXPENSES

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
<b>Short-term</b>	<b>4,129,693,461</b>	<b>2,793,026,285</b>
Insurance premium	1,907,513,717	1,904,838,455
Tools and supplies in use	1,827,326,100	489,317,732
Prepaid car rental	320,000,000	320,000,000
Others	74,853,644	78,870,098
<b>Long-term</b>	<b>125,692,890,034</b>	<b>135,708,407,488</b>
Prepaid land rental (*)	110,463,566,238	111,709,374,794
Tools and supplies in use	13,041,658,974	20,748,154,809
Others	2,187,664,822	3,250,877,885
<b>TOTAL</b>	<b><u>129,822,583,495</u></b>	<b><u>138,501,433,773</u></b>

(\*) As at 31 December 2024, a part of prepaid land rental with the remaining amount of VND 78,035,144,535 of land plot No. 30, map sheet No. 69, Thanh Thanh Cong Industrial Park, Hoa An commune, Trang Bang district, Tay Ninh province with an area of 100,183.13 m2 owned by Unitex Corporation is being used as mortgage for bank loans (Note 20).

## 15. SHORT-TERM TRADE PAYABLES

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
PT Indorama Polychem Indonesia	113,245,684,800	-
Unifi Textile (Suzhou) Co., Ltd.	109,740,846,000	117,400,338,000
Vietnam Giza Engineering and Construction Joint Stock Company	60,132,019,964	-
Chori Co., Ltd.	29,846,682,000	62,895,417,000
Tainan Spinning Co., Ltd.	6,049,887,090	32,910,848,100
Others	58,639,201,669	24,548,331,441
<b>TOTAL</b>	<b><u>377,654,321,523</u></b>	<b><u>237,754,934,541</u></b>

## 16. SHORT-TERM ADVANCES FROM CUSTOMERS

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
De Licacy Viet Nam Industrial Co., Ltd	12,048,401,928	-
Lear Corporation - Kenansville	3,661,809,868	29,140,194,914
Others	6,512,121,543	10,084,323,640
<b>TOTAL</b>	<b><u>22,222,333,339</u></b>	<b><u>39,224,518,554</u></b>

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

**17. STATUTORY OBLIGATIONS**

				VND
	<i>Beginning balance</i>	<i>Increase during the year</i>	<i>Decrease during the year</i>	<i>Ending balance</i>
<b>Payables</b>				
Corporate income tax	-	6,448,574,775	(1,638,337,850)	4,810,236,925
Value-added tax	2,501,784,369	22,886,933,495	(23,649,734,836)	1,738,983,028
Personal income tax	297,680,446	1,753,084,854	(1,705,738,725)	345,026,575
Export import tax	171,302,205	-	(171,302,205)	-
Others	-	65,292,397	(65,292,397)	-
<b>TOTAL</b>	<b><u>2,970,767,020</u></b>	<b><u>31,153,885,521</u></b>	<b><u>(27,230,406,013)</u></b>	<b><u>6,894,246,528</u></b>
<b>Receivables</b>				
Value-added tax deductible	162,695,833,297	449,159,506,134	(446,088,662,998)	165,766,676,433
Export import tax	114,423,926	3,143,794,698	(3,108,047,783)	150,170,841
Corporate income tax	1,642,819,105	-	(1,642,819,105)	-
Others	1,103,224	68,753,986	(69,857,210)	-
<b>TOTAL</b>	<b><u>164,454,179,552</u></b>	<b><u>452,372,054,818</u></b>	<b><u>(450,909,387,096)</u></b>	<b><u>165,916,847,274</u></b>

**18. SHORT-TERM ACCRUED EXPENSES**

	VND	
	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
Utilities	8,006,818,215	6,733,250,971
Sales commission	1,852,441,266	865,656,539
Interest expense	566,877,481	355,833,026
<b>TOTAL</b>	<b><u>10,426,136,962</u></b>	<b><u>7,954,740,536</u></b>

**19. SHORT-TERM OTHER PAYABLES**

	VND	
	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
Union fees	3,327,930,639	2,326,315,136
Social insurance	1,815,031,595	458,994,129
Dividends	327,500,530	327,500,530
Others	2,152,642,514	2,090,980,524
<b>TOTAL</b>	<b><u>7,623,105,278</u></b>	<b><u>5,203,790,319</u></b>

# Century Synthetic Fiber Corporation

B09-DN/HN

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

## 20. LOANS

	Beginning balance	Increase	Decrease	Revaluation due to foreign exchange difference	Reclassification	Ending balance	VND
<b>Short-term</b>							
Loans from bank (Note 20.1)	440,977,812,760	1,419,216,531,185	(1,362,253,873,583)	7,184,571,442	-	505,125,041,804	
Current portion (Note 20.2)	168,560,000,000	-	(168,052,874,067)	2,956,034,839	349,036,588,119	352,499,748,891	
<b>Long-term</b>							
Loan from bank (Note 20.2)	409,136,361,334	701,665,674,002	-	30,698,381,541	(349,036,588,119)	792,463,828,758	
<b>TOTAL</b>	<b>1,018,674,174,094</b>	<b>2,120,882,205,187</b>	<b>(1,530,306,747,650)</b>	<b>40,838,987,822</b>	<b>-</b>	<b>1,650,088,619,453</b>	

### 20.1 Short-term loans

The Company obtained loans from banks to finance its working capital requirements and factory construction for Unitex Corporation at interest rates ranging from 3.5% to 7.54% per annum (for foreign currencies) and from 2.9% to 6% per annum (for VND). Further details are as follows:

Bank	Ending balance		Original amount	Term and maturity date	Purposes	Descriptions of collateral
	VND	USD				
Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam – Ho Chi Minh Branch	239,377,772,863	-	-	From 6 January 2025 to 27 June 2025	Working capital requirements	Unsecured
Vietnam Export Import Commercial Joint Stock Bank – Ho Chi Minh Branch	118,812,504,857	4,705,259	4,705,259	From 8 February 2025 to 27 June 2025	Working capital requirements	Unsecured
Orient Commercial Joint Stock Bank – Tan Binh Branch	73,695,801,030	2,918,530	2,918,530	From 26 April 2025 to 23 May 2025	Working capital requirements	Unsecured
Woori Bank Vietnam Limited – Ho Chi Minh Branch	49,466,694,102	1,958,999	1,958,999	From 16 April 2025 to 26 June 2025	Working capital requirements	Unsecured

# Century Synthetic Fiber Corporation

B09-DN/HN

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

## 20. LOANS (continued)

### 20.1 Short-term loans (continued)

Bank	Ending balance VND	Original amount USD	Term and maturity date	Purposes	Descriptions of collateral
CTBC Bank Co., Ltd	15,305,897,545	-	From 28 April 2025 to 25 May 2025	Factory construction for Unitex Corporation	Land use right
Vietnam Export Import Commercial Joint Stock Bank – Ho Chi Minh Branch	8,466,371,407	-	From 4 April 2025 to 5 June 2025	Working capital requirements	Unsecured
<b>TOTAL</b>	<b>505,125,041,804</b>	<b>9,582,788</b>			

### 20.2 Long-term loan

Bank	Ending balance VND	Original amount USD	Term and maturity date	Purposes	Descriptions of collateral
CTBC Bank Co., Ltd (*)	1,144,963,577,649	45,343,296	From 30 March 2025 to 17 January 2028	Factory construction for Unitex Corporation	Factory and lease rights

In which:

Current portion	352,499,748,891	13,959,833
Non-current portion	792,463,828,758	31,383,463

(\*) CTBC Bank Co., Ltd is the agent bank for the syndicated loans of the 4 following banks: Kasikornbank Public Company Limited, The Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd, Offshore Banking Branch, Entie Commercial Bank and E.Sun Commercial Bank, Ltd.

(\*) Unitex's credit from CTBC Bank is secured by Century Fiber Company.

# Century Synthetic Fiber Corporation

B09-DN/HN

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

## 21. OWNERS' EQUITY

### 21.1 Movements in owners' equity

	Share capital	Share premium	Treasury shares	Investment and development fund	Undistributed earnings	Total	VND
<b>Previous year:</b>							
Beginning balance	843,638,250,000	40,824,578,872	(42,410,550,000)	1,219,011,000	697,818,768,611	1,541,090,058,483	
Net profit for the year	-	-	-	-	87,799,332,687	87,799,332,687	
Dividends declared	122,730,990,000	-	-	-	(122,730,990,000)	-	
Ending balance	966,369,240,000	40,824,578,872	(42,410,550,000)	1,219,011,000	662,887,111,298	1,628,889,391,170	
<b>Current year:</b>							
Beginning balance	966,369,240,000	40,824,578,872	(42,410,550,000)	1,219,011,000	662,887,111,298	1,628,889,391,170	
Re-sell treasury shares	-	23,652,718,980	42,410,550,000	-	-	66,063,268,980	
Net profit for the year	-	-	-	-	12,402,343,658	12,402,343,658	
Ending balance	966,369,240,000	64,477,297,852	-	1,219,011,000	675,289,454,956	1,707,355,003,808	

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

21. OWNERS' EQUITY (continued)

21.2 Capital transactions with owners and distribution of dividends/profits

	Current year	VND Previous year
<b>Issued share capital</b>		
Beginning balance	966,369,240,000	843,638,250,000
Issuance of shares	-	122,730,990,000
Ending balance	<u>966,369,240,000</u>	<u>966,369,240,000</u>
<b>Dividends declared</b>	-	<b>(122,730,990,000)</b>
Dividends paid in shares	-	(122,730,990,000)

21.3 Shares

	<u>Ending balance</u>		<u>Beginning balance</u>	
	Quantity	Amount (VND)	Quantity	Amount (VND)
<b>Authorized shares</b>	<b>96,636,924</b>	<b>966,369,240,000</b>	<b>96,636,924</b>	<b>966,369,240,000</b>
<b>Issued shares</b>				
Ordinary shares	96,636,924	966,369,240,000	96,636,924	966,369,240,000
<b>Treasury shares</b>				
Ordinary shares	-	-	(2,541,650)	(42,410,550,000)
<b>Shares in circulation</b>				
Ordinary shares	96,636,924	966,369,240,000	94,095,274	923,958,690,000

Par value of outstanding share: VND 10,000 per share. The holders of the Company's ordinary shares are entitled to receive dividends as and when declared by the Company. Each ordinary share carries one vote per share without restriction.

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

## 22. REVENUES

### 22.1 Revenue from sale of goods

	VND	
	Current year	Previous year
Gross revenue	1,210,456,380,134	1,425,624,612,200
Less:		
Sales returns	<u>(203,810,405)</u>	<u>(561,587,822)</u>
Net revenue	<u>1,210,252,569,729</u>	<u>1,425,063,024,378</u>

### 22.2 Finance income

	VND	
	Current year	Previous year
Foreign exchange gains	12,517,244,914	20,372,266,603
Interest income	<u>358,462,148</u>	<u>10,689,149,403</u>
TOTAL	<u>12,875,707,062</u>	<u>31,061,416,006</u>

## 23. FINANCE EXPENSES

	VND	
	Current year	Previous year
Foreign exchange losses	68,640,905,956	36,722,383,104
Interest expense	<u>17,127,583,213</u>	<u>17,335,099,901</u>
TOTAL	<u>85,768,489,169</u>	<u>54,057,483,005</u>

## 24. SELLING EXPENSES

	VND	
	Current year	Previous year
Transportation	6,400,763,719	7,986,552,183
Letter of credit and documentary fees	3,195,497,469	7,574,931,856
Commission fee	1,115,428,363	554,678,691
Others	<u>1,761,497,277</u>	<u>3,547,612,996</u>
TOTAL	<u>12,473,186,828</u>	<u>19,663,775,726</u>

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

**25. GENERAL AND ADMINISTRATION EXPENSES**

	VND	
	<i>Current year</i>	<i>Previous year</i>
Labor costs	26,668,773,327	31,195,816,130
External services	9,504,211,323	12,079,570,434
Stationery and other tools costs	9,008,201,335	9,579,378,915
Depreciation and amortization	1,480,304,462	1,499,423,578
Others	5,660,682,404	6,085,506,397
<b>TOTAL</b>	<b><u>52,322,172,851</u></b>	<b><u>60,439,695,454</u></b>

**26. OTHERS EXPENSES**

	VND	
	<i>Current year</i>	<i>Previous year</i>
Depreciation and allocation	6,790,462,424	-
Others	113,412,061	54,346,623
<b>TOTAL</b>	<b><u>6,903,874,485</u></b>	<b><u>54,346,623</u></b>

**27. PRODUCTION AND OPERATING COSTS**

	VND	
	<i>Current year</i>	<i>Previous year</i>
Raw materials	733,217,021,641	855,629,530,014
External services	164,236,319,565	214,842,272,280
Depreciation and amortization (Notes 10 and 11)	92,837,137,603	91,883,225,860
Labor costs	92,451,098,481	113,563,925,627
Others	29,079,464,303	37,165,745,786
<b>TOTAL</b>	<b><u>1,111,821,041,593</u></b>	<b><u>1,313,084,699,567</u></b>

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

## 28. CORPORATE INCOME TAX

The applicable corporate income tax ("CIT") rates to the Company are as follows:

- For the Cu Chi Operation, the CIT rate is 20% of taxable profit.
- For the Trang Bang Branch, the CIT is applied according to each product type. In particular:
  - Income from Fully Drawn Yarn (FDY) and Drawn Textured Yarn (DTY) products onwards was exempted for four years (2011 - 2014) and is subject to 50% deduction in the following nine years (2015 - 2023). The applicable rate is 10% for 15 years from 2011.
  - Income from FDY and DTY products of expansion projects was exempted for four years (2016 - 2019) and is subject to 50% deduction in the following nine years (2020 - 2028). The applicable rate is 10% for 15 years from 2016.
  - Income from Partially Oriented Yarn (POY) products at stage 3 was exempted for two years (2016 - 2017) and is subject to 50% deduction in the following four years (2018 - 2021). The applicable rate is 10% for 15 years from 2016.

The tax returns filed by the Group are subject to examination by the tax authorities. Therefore, the application of tax laws and regulations is susceptible to varying interpretations, the amounts reported in the consolidated financial statements could change at a later date upon final determination by the tax authorities.

### 28.1 CIT expense

	VND	
	<i>Current year</i>	<i>Previous year</i>
Current tax expense	5,481,093,224	5,936,938,896
Adjustment for under (over) accrual of CIT from prior years	967,481,631	(3,215,273,257)
Total current income tax expense	6,448,574,855	2,721,665,639
Deferred tax expense	50,126,534	480,931,911
<b>TOTAL</b>	<b>6,498,701,389</b>	<b>3,202,597,550</b>

Reconciliation between CIT expense and the accounting profit before tax multiplied by CIT rate is presented below:

	VND	
	<i>Current year</i>	<i>Previous year</i>
<b>Accounting profit before tax</b>	<b>18,901,045,047</b>	<b>91,001,930,237</b>
At the applicable CIT rate for the Group	3,780,209,011	18,200,386,047
<i>Adjustments:</i>		
Non-deductible expenses	7,252,956,634	1,547,561,822
Tax incentive for the Trang Bang branch	(3,649,716,451)	(19,346,270,333)
Adjustment for under (over) accrual of tax from prior years	967,481,631	(3,215,273,257)
Unrealized (loss) profit	(273,240,773)	5,358,258,602
(Utilize tax loss) tax loss carrying forward	(1,578,988,662)	657,934,669
<b>CIT expense</b>	<b>6,498,701,389</b>	<b>3,202,597,550</b>

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

## 28. CORPORATE INCOME TAX (continued)

### 28.2 Current CIT

The current CIT payable is based on taxable profit for the current year. The taxable profit of the Group for the year differs from the accounting profit before tax as reported in the consolidated income statement because it excludes items of income or expense that are taxable or deductible in other years and it further excludes items that are not taxable or deductible. The Group's liability for current tax is calculated using tax rates that have been enacted at the consolidated balance sheet date.

### 28.3 Deferred tax

The deferred tax asset items recognized by the Group, and the movements thereon, are as follows:

	<i>Consolidated balance sheet</i>		<i>Consolidated income statement</i>	
	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>	<i>Current year</i>	<i>Previous year</i>
				VND
Accrued expenses	1,587,585,218	2,019,826,977	(432,241,759)	(341,791,400)
Provision for obsolete inventories	965,286,634	877,123,667	88,162,967	(73,359,524)
Foreign exchange arising from revaluation of monetary accounts denominated in foreign currency (gains)/losses	295,622,864	2,421,631	293,201,233	(64,178,601)
Accrual for severance pay	44,649,891	43,898,866	751,025	(1,602,386)
<b>TOTAL</b>	<b><u>2,893,144,607</u></b>	<b><u>2,943,271,141</u></b>		
<i>Net deferred tax charge to consolidated income statement</i>			<b><u>(50,126,534)</u></b>	<b><u>(480,931,911)</u></b>

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

## 29. TRANSACTIONS WITH RELATED PARTIES

The related parties with the Company as at 31 December 2024 are as follows:

<i>Related party</i>	<i>Relationship</i>
Hung Loi Service Trading Investment Company Limited	Related party due to a BOD member of the Group investing therein
P.A.N Asia Co., Ltd	Related party due to a BOD member of the Company investing therein

Details of remuneration of the Board of Directors ("BOD"), Board of Supervision ("BOS") and management are as follows:

<i>Individuals</i>	<i>Position</i>	<i>VND</i>	
		<i>Remuneration</i>	
		<i>Current year</i>	<i>Previous year</i>
Ms Dang My Linh	Chairwoman	150,000,000	150,000,000
Mr Dang Trieu Hoa	Deputy of Chairman cum General Director	1,492,450,300	1,517,600,000
Mr Dang Huong Cuong	Member of BOD	150,000,000	150,000,000
Mr Chen Che Jen	Member of BOD	225,000,000	225,000,000
Ms Cao Thi Nguyet Anh	Member of BOD	150,000,000	150,000,000
Mr Vo Quang Long	Member of BOD	150,000,000	150,000,000
Mr Nguyen Quoc Huong	Member of BOD	225,000,000	225,000,000
Mr Nguyen Tu Luc	Head of Audit function	60,000,000	60,000,000
Ms Ha Kiet Tran	Member of BOS from 30 March 2023	60,000,000	60,000,000
Ms Dinh Ngoc Hoa	Member of BOS	198,714,294	167,748,325
Ms Nguyen Phuong Chi	Director	1,472,785,551	1,419,857,942
Mr Phan Nhu Bich	Financial Director cum Chief Accountant	936,636,843	836,885,835
<b>TOTAL</b>		<b><u>5,270,586,988</u></b>	<b><u>5,112,092,102</u></b>

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

### 30. EARNINGS PER SHARE

The following reflects the income and share data used in the basic and diluted earnings per share computations:

	VND	
	<i>Current year</i>	<i>Previous year</i>
Net profit after tax attributable to ordinary equity holders adjusted for the effect of dilution	12,402,343,654	87,799,332,687
Weighted average number of ordinary shares for basic earnings per share (i)	95,741,837	94,095,274
Earnings per share (par value of VND 10,000/share)		
- Basic	130	933
- Diluted	130	933

(i) The weighted average number of shares in circulation for the year ended 31 December 2024 and 31 December 2023 were adjusted to reflect the selling of 1,041,650 treasury shares to employees on 30 March 2024 and 1,500,000 treasury shares to public on 5 June 2024.

There have been no dilutive ordinary shares during the year and the date of completion of these consolidated financial statements.

### 31. OPERATING LEASE COMMITMENTS

The Group leases assets under an operating lease arrangement, with future minimum lease commitments due as follows:

	VND	
	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
Less than 1 year	1,227,965,559	1,961,680,720
From 1 to 5 years	2,103,976,448	2,364,405,800
More than 5 years	8,896,236,498	8,884,960,020
<b>TOTAL</b>	<b><u>12,228,178,505</u></b>	<b><u>13,211,046,540</u></b>

### 32. OFF CONSOLIDATED BALANCE SHEET ITEM

	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
Major foreign currency:		
United States dollar (USD)	38,844	74,162
EURO	25	-
JPY	418,231	-

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (continued)  
as at 31 December 2024 and for the year then ended

**33. PROFESSIONAL SERVICE FEES**

Professional service fees with the global network of EY firms ("EY Firms") incurred in current year and prior year were as follows:

	<i>VND</i>	
	<i>Current year</i>	<i>Previous year</i>
Audit and review fees of separate and consolidated financial statements of the Group	310,000,000	310,000,000
Audit fee of financial statements of the subsidiary	50,000,000	50,000,000
Review fees special purpose financial statements of the Group	<u>100,000,000</u>	<u>100,000,000</u>
<b>TOTAL</b>	<b><u>460,000,000</u></b>	<b><u>460,000,000</u></b>

**34. EVENT AFTER THE BALANCE SHEET DATE**

There is no matter or circumstance that has arisen since the consolidated balance date that requires adjustment or disclosure in the consolidated financial statements of the Group.

  
\_\_\_\_\_  
Preparer  
Nguyen Thi Hong Tham

  
\_\_\_\_\_  
Chief Accountant  
Phan Nhu Bich

  
\_\_\_\_\_  
General Director  
Dang Trieu Hoa

Ho Chi Minh City, Vietnam

7 March 2025

